

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 09/7/2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Lam
Ông Nguyễn Văn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại Hội trường B - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 197/2024/TLST-HNGĐ ngày 22/01/2024, về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/6/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Khánh H**, sinh năm: 1991.

Nơi thường trú: Thôn K, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Anh **Phạm Xuân H1**, sinh năm: 1987.

Nơi thường trú: Ấp A, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Nơi ở hiện nay: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H, anh H1 đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/01/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Khánh H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Phạm Xuân H1 tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 2014, đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 48 ngày 24/10/2014.

Thời gian đầu chị H, anh H1 chung sống bình thường, đến khoảng giữa năm 2019 thì giữa chị H và anh H1 xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân do kinh tế gia đình khó khăn, không đủ trang trải cuộc sống và nuôi con nên dẫn đến vợ chồng xảy ra nhiều cãi vã, xung đột. Để kiếm tiền lo cho cuộc sống gia đình, trả tiền làm nhà, nuôi con nên chị H và anh H1 thống nhất để chị H đi làm ăn xa nhà một thời gian để kiếm tiền gửi về trang trải cuộc sống của gia đình. Trong thời gian này anh H1 hay nhậu nhẹt, không tin tưởng chị H, thường xuyên gây áp lực, mắng chửi chị H và cha mẹ ruột của chị H qua điện thoại. Chị H nhận thấy anh H1 không còn sự tôn trọng chị H và bố mẹ chị H nữa, đồng thời anh H1 khiến chị H bị tổn thương trầm trọng, dần dần tình cảm vợ chồng phai nhạt, nên chị H đã quyết định sống ly thân với anh H1 từ cuối năm 2019. Cho đến nay chị và anh H1 không còn sự quan tâm đến nhau, cũng không hỏi han hay chăm sóc gì cho nhau. Chị H nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh Phạm Xuân H1.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là Phạm Xuân L, sinh ngày: 27/01/2015 và Phạm Thúy A, sinh ngày: 03/7/2016. Cháu L hiện nay đang ở với anh H1, còn cháu A hiện nay đang ở với chị H và ông bà ngoại của cháu ở quê. Khi ly hôn chị Hòa đồng ý giao cháu L cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu A và tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Chị H và anh H1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị H trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị H đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vì mâu thuẫn đã trầm trọng và xin được vắng mặt trong các phiên tòa xét xử của Tòa án.

** Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Xuân H1 trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh H1, chị H quen nhau được 05 tháng và quyết định đi đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 48 ngày 24/10/2014, đây là hôn nhân lần đầu của anh H1.

Sau khi kết hôn, anh và chị H sinh sống tại thị trấn D, sau đó gia đình chuyển đến xã H, huyện T. Sau khi sinh con thứ 2, do chị H không có việc làm ổn định, kinh tế gia đình gặp khó khăn nên đến năm 2019 chị H đi làm việc ở nước ngoài (Campuchia, M). Công việc chị H làm gì anh H1 cũng không rõ. Thời gian đầu hai con chung sống cùng với anh H1, tuy nhiên đến năm 2021 thì chị H đã đưa 01 con là cháu Phạm Thúy A về quê sống cùng với ông bà N ở Nghệ An.

Hiện nay hai vợ chồng anh đang sống ly thân với nhau. Từ khi chị H đi làm ở nước ngoài thì anh và chị H cũng ít gặp nhau, cũng không quan tâm hỏi

han đến nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn, cũng không thể hòa giải với nhau được nên anh đồng ý ly hôn với chị H.

- *Về con chung*: Vợ chồng chung sống có hai con chung là cháu Phạm Xuân L, sinh ngày 27/01/2015 và cháu Phạm Thúy A, sinh ngày 03/7/2016. Hiện nay cháu L đang sống chung cùng với anh H1 tại xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai; còn cháu A đang sống cùng với mẹ tại tỉnh Nghệ An. Khi ly hôn anh H1 yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu L và đồng ý giao cháu A cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tuy nhiên, chị H không được cấm cản anh H1 đến thăm con và gọi điện thoại cho con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh H1 đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vì mâu thuẫn đã trầm trọng và xin được vắng mặt trong các phiên tòa xét xử của Tòa án.

*** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai:**

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Khánh H được ly hôn với anh Phạm Xuân H1.

+ Về con chung: Giao cháu Phạm Thúy A, sinh ngày: 03/7/2016 cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao cháu Phạm Xuân L, sinh ngày: 27/01/2015 cho anh H1 được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời các bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Buộc chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”. Bị đơn anh Phạm Xuân H1 hiện đang cư trú tại ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án

[2.1] Về quan hệ hôn nhân

Chị Nguyễn Thị Khánh H và anh Phạm Xuân H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 48 ngày 24/10/2014. Căn cứ các Điều 9, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân của chị H và anh H1 là hợp pháp.

Về yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh H1, Hội đồng xét xử nhận thấy: Qua trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cho thấy sau khi kết hôn một thời gian, cuộc sống chung của vợ chồng chị H, anh H1 đã xảy ra mâu thuẫn. Trong cuộc sống chung vợ chồng anh chị đã thiếu sự tin tưởng, yêu thương và tôn trọng lẫn nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, bất hòa. Nguyên nhân chủ yếu là do cuộc sống gia đình khó khăn về kinh tế, khi chị H đi làm xa, vợ chồng đã thiếu sự quan tâm nhau, chia sẻ với nhau, dần làm cho tình cảm vợ chồng phai nhạt. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ cuối năm 2019 cho đến nay chị H đã về nhà cha mẹ ruột sống tại tỉnh Nghệ An. Thời gian vợ chồng sống ly thân anh chị cũng bỏ mặc, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Anh H1 và chị H đều thừa nhận không còn tình cảm yêu thương nhau để chung sống. Cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng của chị H và anh H1 đã trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, anh H1 thống nhất thuận tình ly hôn theo yêu cầu của chị H nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận là phù hợp với quy định tại các Điều 51, 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về nuôi con chung

Quá trình chung sống chị H và anh H1 có hai con chung là cháu Phạm Xuân L, sinh ngày 27/01/2015 và cháu Phạm Thúy A, sinh ngày 03/7/2016. Ý kiến của chị H, anh H1 đều thống nhất thỏa thuận về việc chị H sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu A và cháu L hiện đã trên 07 tuổi, ý kiến của cháu A có nguyện vọng được sống cùng với mẹ, cháu L xin được sống cùng với ba.

Xét thấy, thời gian vợ chồng ly thân cháu A do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, cháu L do anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, các cháu đều phát triển tốt. Thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con chung của anh chị sau khi ly hôn là phù hợp với điều kiện thực tế và nguyện vọng của các con nên ghi nhận.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con

Do chị H, anh H1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời các bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng

Chị H, anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tại phiên tòa: Về việc giải quyết vụ án là phù hợp với tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 51, 53, 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Khánh H về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Khánh H và anh Phạm Xuân H1.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Phạm Thúy A, sinh ngày 03/7/2016 cho chị Nguyễn Thị Khánh H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao cháu Phạm Xuân L, sinh ngày 27/01/2015 cho anh Phạm Xuân H1 được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh Phạm Xuân H1 và chị Nguyễn Thị Khánh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Xuân H1 và chị Nguyễn Thị Khánh H được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Khánh H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007623 ngày 22/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Khánh H và anh Phạm Xuân H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - TAND tỉnh Đồng Nai;
 - VKSND huyện Thống Nhất;
 - Chi cục THADS huyện Thống Nhất;
 - UBND xã Xuân Thọ, H.Xuân Lộc, T.Đồng Nai
- (số ĐKKH 48 ngày 24/10/2014);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Đào Thị Kiều Vân

